TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **301**/2021/DS-ST
Ngày: 20/10/2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Minh

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc Thuận

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2021/QĐXXST-DS ngày 05/7/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Mai Lệ X**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp VT, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:*

- **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1959.

- **Dương Thị Thu H1**, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: ấp VH, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt bà X; vắng mặt bà H, chị H1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 17/03/2021, ngày 04/5/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Mai Lệ X trình bày:*

Ngày 11/9/2018 âm lịch, bà Nguyễn Thị Thu H và con là Dương Thị Thu H1 có vay của bà 50.000.000đồng với lãi suất là 2,5%/tháng, đến tháng 5/2019 âm lịch sẽ trả lại cho bà. Sau ngày 25/11/2018 âm lịch, các bị đơn có mượn thêm 50.000.000đồng, nhưng chỉ có bà H ký tên vào biên nhận mượn tiền. Đến tháng 8/2020, các bị đơn ngưng trả tiền lãi và đến nay vẫn chưa trả nợ gốc cho bà. Từ ngày 11/9/2018 âm lịch đến tháng 08/2020 âm lịch bà H có trả cho bà tổng cộng được 40.000.000đồng tiền lãi.

Nay nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bà H, chị H1 liên đới trả cho bà 50.000.000đồng, yêu cầu bà H trả cho bà 50.000.000đồng; thực hiện trả khi bản án có hiệu lực pháp luật, ngoài ra bà không yêu cầu trả lãi.

* Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa các bị đơn đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa và tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các bị đơn cũng không có bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay

- Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, nay chỉ yêu cầu bà H, chị H1 liên đới trả cho nguyên đơn 50.000.000đồng, yêu cầu bà H trả cho nguyên đơn 10.000.000đồng. Ngoài ra không yêu cầu trả tiền lãi của số tiền vay.

- Các bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: + *Về phần thủ tục*, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn được pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ *Về việc giải quyết vụ án*, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét các bị đơn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải, công khai

chứng cứ, tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt các bị đơn.

Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] - *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

[3] - *Về nội dung yêu cầu:*

Tại phiên tòa, bà X trình bày: Do biết mẹ con bà H, chị H1 có làm ăn, mua bán dừa nên vào ngày 19/11/2018 âm lịch, bà có cho mẹ con bà Nguyễn Thị Thu H, Dương Thị Thu H1 vay 50.000.000đồng. Cả hai người có cùng ký nhận vào giấy vay tiền được bà H viết bằng giấy tập học sinh. Lãi suất vay đôi bên thỏa thuận là 2,5%/tháng, thời hạn trả là 20/5/2019 âm lịch. Sau đó hai ngày bà H có vay thêm bà là 20.000.000đồng, ba ngày kế tiếp bà H vay thêm 30.000.000đồng nữa. Hai lần vay sau, chị H1 có biết nhưng chỉ có bà H ký tên xác nhận khoản vay với bà X. Hai lần vay sau này tuy không ghi thời gian vay, không ghi thời gian trả, không ghi lãi suất vì đôi bên mặc nhiên hiểu là áp theo thời gian trả và lãi suất như lần vay đầu tiên vì thời gian giữa các lần vay rất cận ngày nhau. Bà X lấy tiền lãi đầu tiên của số tiền 100.000.000đồng là ngày 25/12/2018 âm lịch. Trong quá trình vay, tháng lãi đầu tiên bà H trả cho bà đủ là 2.500.000đồng. Các tháng tiếp theo thì bà H, chị H1 không đảm bảo nghĩa vụ trả lãi như đã cam kết. Từ tháng 12/2018 âm lịch đến tháng 8/2020 âm lịch, bà X khẳng định chỉ có bà H là người trực tiếp trả lãi cho bà nhiều lần tổng cộng được 40.000.000đồng trên tổng nợ vay 100.000.000đồng, thì ngưng trả lãi cho đến nay. Hiện tại, các bị đơn vẫn chưa trả tiền nợ gốc cho bà X.

Xét lời trình bày của bà X hoàn toàn phù hợp với nội dung chứng cứ là tờ giấy tập thể hiện việc vay – cho vay giữa các bên đương sự (bút lục 40, 41) mà bà đã cung cấp cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã thông báo và tống đạt tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà X cho các bị đơn được rõ, nhưng phía bị đơn không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu mà phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Từ đó, căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc bà H và chị H1 cùng vay của bà X 50.000.000đồng và bà H vay của bà X 50.000.000đồng là có thật.

Đối với lãi suất mà các bên thỏa thuận, tuy vượt hơn mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nhưng xét thấy số tiền lãi thực tế mà bà X đã nhận tính từ thời điểm cho vay đến nay là không cao hơn mức lãi luật định và tại phiên tòa, bà X đã đồng ý cấn trừ 40.000.000đồng vào nợ gốc 50.000.000đồng mà bà H đã vay riêng từ bà. Bà X còn không yêu cầu các bị đơn trả lãi đối với các khoản vay. Xét đây là sự tự nguyện của bà X, phù hợp luật định và có lợi cho bà H, chị H1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Nay bà X chỉ yêu cầu bà H, chị H1 liên đới trả cho bà 50.000.000đồng và bà H trả cho bà 10.000.000đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn có căn cứ được quy định tại Điều 463, Khoản 1 Điều 466 và Điều 288 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc bà H và chị H1 phải liên đới trả cho bà X 50.000.000đồng; bà H phải trả cho bà X 10.000.000đồng.

[4] - *Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang* hoàn toàn phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] - *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì:

Bà H và chị H1 phải liên đới chịu án phí đối với khoản vay 50.000.000đồng.

Bà H phải chịu án phí đối với khoản vay 10.000.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 244; Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 466 và Điều 288 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mai Lệ X.

- Buộc bị đơn Dương Thị Thu H1 và Nguyễn Thị Thu H liên đới trả cho bà Mai Lệ X **50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng**. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H và chị H1 chậm thi hành khoản tiền trên thì phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc bị đơn Nguyễn Thị Thu H trả cho bà Mai Lệ X **10.000.000 (Mười triệu) đồng.** Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H và chị H1 phải liên đới chịu 2.500.000đồng.

Bà H phải chịu 500.000đồng.

Hoàn lại cho bà X 2.500.000đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004120 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS.HCT.
- Cácđương sự.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI